



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Số: 21.8.3...../2023/BBLM

Hôm nay, vào hồi 10 giờ 45, ngày 21 tháng 08 năm 2023.

Tại: Chi nhánh Công ty cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng

Địa chỉ: K.C.N. Nam Cầm Kiên, xã Hồng Đăng, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

Địa điểm quan trắc: K.C.N. Nam Cầm Kiên, xã Hồng Đăng, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU: Chi nhánh công ty cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng

Ông (Bà): Châu Thành Luân Chức vụ: N.V

Ông (Bà): Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC

Ông (Bà): Nguyễn Anh Minh Chức vụ: N.V. RT

Ông (Bà): Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ): Công ty cổ phần tư vấn CM

Ông (Bà): Vũ Trọng Hải Chức vụ: NV

Ông (Bà): Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU PHỤ (NẾU CÓ):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ): UBND xã Hồng Đăng & Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Thủy Nguyên

Ông (Bà): Bùi Hòa Thạch Lương Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã Hồng Đăng

Ông (Bà): Nguyễn Duy Bình Chức vụ: Chuyên Viên Cty TNHH MTV KCTT

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Trời nắng

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Cơ sở hoạt động bình thường

8. NỘI DUNG ĐO ĐẶC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Vị trí đo đặc, lấy mẫu	Ghi chú
1.	RT-VY	Khí thải ống khói xưởng sản xuất	
2.	NT1-VY	NT1 - VY : Nước thải tại đầu ra hệ	
3.		thông xử lý nước thải sinh hoạt	
4.	NT2-VY	NT2 - VY : Nước thải tại điểm xả	
5.		rao nguồn tiếp nhận	
6.	NM-VY	NM1 - VY : Nước mặt tại nguồn tiếp	
7.		nhận nước thải tại kênh Kiên Bái	
8.		Tổng	
9.			
10.			
11.			
12.			
13.			
14.			
15.			

9. TÌNH TRẠNG BẢO QUẢN VÀ NIÊM PHONG MẪU VẬT

Bảo quản lạnh và hóa chất theo TCVN hiện hành.

Kiểm soát chất lượng: ☐ Mẫu lập. ☐ MT thiết bị ☐ MT hiện trường ☐ MT vận chuyển

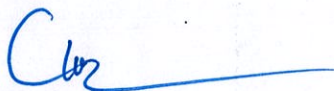
Các bên thống nhất tình trạng niêm phong mẫu: ☐ Có. ☒ Không

Ghi chú:

Nội dung đo đặc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên.

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành ... (0...) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ


Chu Thanh Hiền

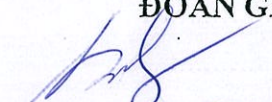
ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU

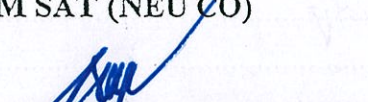

Nguyễn Anh Minh

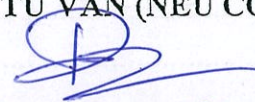
ĐẠI DIỆN NHÀ
THẦU PHỤ (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ)


Nguyễn Duy Đình


Đại Hoa Khách Cảnh


Vũ Trọng Đại



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội

ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1907 - 6012 / KQPT/2023



VILAS 1222

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
 Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
 Địa điểm quan trắc : Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng - xã Hoàng Động và xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
 Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
 Mã mẫu : NT.230821.18
 Ngày lấy mẫu : 21/08/2023 Thời gian phân tích: 21/08/2023-12/09/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 14:2008/ BTNMT C _{max} (Cột B)
				NT1-VY	
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550.B:2017	30,4	-
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,83	5-9
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	CEC/SOP/HT - 001	290	1.000
4.	Độ màu	mgPtCo/L	TCVN 6185.C:2015	<16 ^a	-
5.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	16	50
6.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	29	-
7.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	43	100
8.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,13 ^a	10
9.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	10	-
10.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,37	-
11.	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .B&E:2017	3,41	50
12.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,21	10
13.	Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530.C:2017	KPH (MDL=0,002)	-
14.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,04)	4,0
15.	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	<1 ^a	20
16.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	<1 ^a	-
17.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH (MDL=0,03)	10
18.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	2.700	5.000

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

CEC.BM 7.8.03

Lần ban hành: 03

Trang: 1

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT1-VY	Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	2313062.152	0591395.246

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt;

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi thải ra nguồn nước tiếp nhận, cột B với hệ số K=1.

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

Hà Nội, ngày ...12... tháng09... năm 2023

**TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC**

Đinh Thị Tuyết

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huy

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

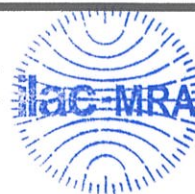
Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm – TP.Hà Nội.

ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1909 - 6012 / KQPT/2023



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
 Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
 Địa điểm quan trắc : Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng - xã Hoàng Động và xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
 Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 01
 Mã mẫu : NM.230821.20
 Ngày lấy mẫu : 21/08/2023 Thời gian phân tích: 21/08/2023-12/09/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 08-MT:2015 /BTNMT (Cột B1)
				NM1-VY	
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	6,91	5,5-9
2.	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	4,5	≥4
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	42	50
4.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	13	15
5.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	27	30
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,51	0,9
7.	Nitrit (NO ₂ ⁻ N)	mg/L	TCVN 6178:1996	KPH (MDL=0,02)	0,05
8.	Nitrat (NO ₃ ⁻ N)	mg/L	TCVN 6180:1996	0,96	10
9.	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500.Cl-B:2017	18	350
10.	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520.B:2017	<1 ^a	1
11.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH (MDL=0,03)	0,4
12.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	2.600	7.500

Ghi chú:**- Thông tin mẫu:**

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NM1-VY	Nước mặt tại nguồn tiếp nhận nước thải tại kênh Kiền Bái Tây	2313096.951	0591443.582

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;

Cột B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.

- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm – TP.Hà Nội.

ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

Hà Nội, ngày ...12... tháng ...09... năm 2023

**TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC**

Đinh Thị Tuyết

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hùng

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 08-AT:2018/BTNMT (Cột B1)
1	Độ đục (DO)	mg/L	TCN 6192-2017	0.01	0.5
2	Độ cứng (DO)	mg/L	TCN 6192-2017	1.2	2.0
3	Độ pH	mg/L	TCN 6623-2009	4.2	3.0
4	Độ màu (DO)	mg/L	TCN 6623-2009	1.3	1.5
5	Độ dẫn điện (DO)	mg/L	TCN 6623-2009	0.2	3.0
6	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/L	TCN 6192-2017	0.21	0.8
7	Nitrit (NO ₂ ⁻)	mg/L	TCN 6192-2017	0.02	0.02
8	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	TCN 6192-2017	0.06	1.0
9	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMETH 4300 Cl-B-2017	18	320
10	Tổng chất rắn	mg/L	SMETH 4300 Cl-B-2017	<1	1
11	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCN 6623-2009	KPH (MDL=0.03)	0.4
12	Coliform	100ml	SMETH 9231 B-2017	2.600	2.300

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
NMI-VY	Nước mặt tại nguồn tiếp nhận nước thải tại Khu Kien	231300.6921 1051443.282

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 08-AT:2018/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;
Cột B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như tưới tiêu;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.
- Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghi ngờ chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH ĐỘC CHẤT MÔI TRƯỜNG
VILAS 386 – VIMCERTS 079

Địa chỉ: Phòng 700, nhà A30, Viện Công nghệ Môi trường, số 18 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy TP. Hà Nội



ĐT: (84-0283) 3791.2614 Fax: (84-0283) 3791.2614

BIÊN BẢN LẤY MẪU HÁP PHỤ KHÍ THẢI
(Theo SOP/ĐCMT/KT11)

Hải Phòng, ngày 21 tháng 8 năm 2023

1. Thông tin chung

Đơn vị lấy mẫu		VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG	
Đơn vị yêu cầu lấy mẫu		CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC	
Đơn vị được lấy mẫu		Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng	
Địa chỉ khu vực khảo sát		KCN Nam Cầu Kiền, xã Hoàng Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	
Loại hình sản xuất		Tọa độ	X: Y:
Đặc điểm thời tiết khi lấy mẫu:		Nắng/ mưa:	Nhiệt độ: Độ ẩm:
Rò rỉ:	Có ☐ Không ☒	Áp suất khí quyển:	mmHg
Hệ thống khử ẩm:		Có ☒	Không ☐
Cán bộ lấy mẫu		Nguyễn Văn Toàn	

2. Lấy mẫu hiện trường

TT	Ký hiệu mẫu	Thông số quan trắc	Thiết bị/serial No.	Phương pháp quan trắc	Thời gian		Dung dịch hấp thụ	Lưu lượng (L/phút)	Thể tích lấy mẫu
					Bắt đầu	Kết thúc			
1	KT Sông Bình Xuyên Sân xe	Dioxin/Furan	Isokinetic	US EPA Method 0023	8h30'	10h30'			
2	KT ống khói xi măng Sân xe	VOCs	Uni-Vos	PD CEN/TS 13649:2014	10h45'	11h45'			

Đại diện đơn vị yêu cầu lấy mẫu
(Ký, ghi rõ họ tên)


Đỗ Thị Thu Hiền

Đại diện đơn vị lấy mẫu
(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Văn Toàn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu:.....1908 - 6012...../KQPT/2023



Tên khách hàng : **Công ty Cổ phần đầu tư CM**
 Địa chỉ : **Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng**
 Địa điểm quan trắc : **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng - xã Hoàng Động và xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng**
 Loại mẫu : **Nước thải** Số lượng mẫu: 01
 Mã mẫu : **NT.230821.19**
 Ngày lấy mẫu : **21/08/2023** Thời gian phân tích: 21/08/2023-12/09/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 14:2008/ BTNMT C _{max} (Cột B)
				NT2-VY	
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550.B:2017	29,1	-
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	8,15	5-9
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	CEC/SOP/HT - 001	331	1.000
4.	Độ màu	mgPtCo/L	TCVN 6185.C:2015	<16 ^a	-
5.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	20	50
6.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	26	-
7.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	41	100
8.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL=0,04)	10
9.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	9,8	-
10.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,39	-
11.	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N)	mg/L	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .B&E:2017	2,92	50
12.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ _P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,25	10
13.	Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530.C:2017	KPH (MDL=0,0,002)	-
14.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,04)	4,0
15.	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	<1 ^a	20
16.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	<1 ^a	-
17.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH (MDL=0,03)	10
18.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	2.500	5.000

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
 - Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
 - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
 - Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
 - Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT2-VY	Nước thải tại điểm xả nước thải vào môi trường tiếp nhận kênh Kiền Bái Tây	2313075.559	0591448.750

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt;

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt K=1.

C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi thải ra nguồn nước tiếp nhận, cột B với hệ số K=1

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

Hà Nội, ngày ...12... tháng ...09... năm 2023

**TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC**

Đinh Thị Tuyết

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huy

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm - TP.Hà Nội.

ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1906 - 6012 / KQPT 2023



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
 Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
 Địa điểm quan trắc : Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng - xã Hoàng Động và xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
 Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
 Mã mẫu : KT.230821.17
 Ngày lấy mẫu : 21/08/2023 Thời gian phân tích: 21/08/2023-12/09/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 51:2017/BTNMT C_{max} (Bảng 3 cột A1)
				KT-VY	
1.	Đồng (Cu)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	<1,5 ^a	6,4
2.	Kẽm (Zn)	mg/Nm ³	US.EPA Method 29	<2,1 ^a	19,2
3.	Niken (Ni)	mg/Nm ³	US.EPA Method 29	<2,1 ^a	-
4.	Crom (Cr)	mg/Nm ³	US.EPA Method 29	<2,1 ^a	-
5.	Chì (Pb)	mg/Nm ³	US.EPA Method 29	<0,07 ^a	3,2
6.	Cadimi (Cd)	mg/Nm ³	US.EPA Method 29	<0,07 ^a	3,2
7.	Antimon (Sb)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	<0,07 ^a	6,4
8.	VOCs*	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	<0,01	12,8
9.	Dioxin*	ng-TEQ/Nm ³	Tham khảo US-EPA Method 23	0	0,384

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
KT-VY	Khí thải ống khói xưởng sản xuất	2313134	0590950

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 51:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất thép
Bảng 3: Giá trị C làm cơ sở để tính toán nồng độ tối đa cho phép của các thông số trong khí thải của cơ sở luyện cán thép, công đoạn hoàn nguyên sắt.

Các cơ sở sản xuất thép hoạt động trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 áp dụng giá trị C trong cột A1 của Bảng 1 hoặc Bảng 2 hoặc Bảng 3 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 áp dụng giá trị C trong cột A2 của Bảng 1 hoặc Bảng 2 hoặc Bảng 3.

C_{max} là giá trị tối đa cho phép của các thông số trong khí thải công nghiệp sản xuất thép, Cột A1 bảng 3 với Hệ $K_q=0,8$ $K_v=0,8$.

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

- (*) Nhà thầu phụ: Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Viện Công nghệ Môi trường – Vimcerts 079.

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

CEC.BM 7.8.03

Lần ban hành: 03

Trang: 1



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm - TP.Hà Nội.

ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

Hà Nội, ngày ...12... tháng ...09... năm 2023

**TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC**

Đinh Thị Tuyết

Đinh Thị Tuyết

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hùng

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	Đơn vị
1	Điôxít (Dioxin)	ng/m ³	ISO 15697-1 / Method 29	0,00	ng/m ³
2	Điôxít (Dioxin)	ng/m ³	ISO 15697-1 / Method 29	0,00	ng/m ³
3	Điôxít (Dioxin)	ng/m ³	ISO 15697-1 / Method 29	0,00	ng/m ³
4	Điôxít (Dioxin)	ng/m ³	ISO 15697-1 / Method 29	0,00	ng/m ³
5	Điôxít (Dioxin)	ng/m ³	ISO 15697-1 / Method 29	0,00	ng/m ³
6	Điôxít (Dioxin)	ng/m ³	ISO 15697-1 / Method 29	0,00	ng/m ³
7	Điôxít (Dioxin)	ng/m ³	ISO 15697-1 / Method 29	0,00	ng/m ³
8	Điôxít (Dioxin)	ng/m ³	ISO 15697-1 / Method 29	0,00	ng/m ³
9	Điôxít (Dioxin)	ng/m ³	ISO 15697-1 / Method 29	0,00	ng/m ³

Kết quả	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
KT-VY	Khu vực ô nhiễm nước thải	0200020
		0211134

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 51:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất thép

Bảng 3: Giá trị C làm cơ sở để tính toán nồng độ tối đa cho phép của các thông số trong khí thải của cơ sở luyện thép công nghệ hoàn nguyên sắt.

Các cơ sở sản xuất thép hoạt động trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 áp dụng giá trị C trong cột A1 của Bảng 1 hoặc Bảng 2 hoặc Bảng 3 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 áp dụng giá trị C trong cột A2 của Bảng 1 hoặc Bảng 2 hoặc Bảng 3.

C_{max} là giá trị tối đa cho phép của các thông số trong khí thải công nghiệp sản xuất thép. Cột A1 hàng 3 với hệ số K₁=0,8 K₂=0,8.

Ước lượng phân tích: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn phân tích (LOQ) của phương pháp.

(-): Không có quy định.

(*) Nhà phân tích Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Viện Công nghệ Môi trường.

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghi ngờ chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty